

Số: 1392/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các cơ quan
thi hành án dân sự địa phương năm 2019

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 3064 /QĐ-BTP ngày 19 /12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thống kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho các cơ quan thi hành án dân sự địa phương năm 2019 như sau:

1. Phân đầu nâng cao chất lượng, tỷ lệ THADS xong trên 73% về việc và trên 33% về tiền trên tổng số có điều kiện thi hành. Bảo đảm theo dõi việc thi hành đối với 100% bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về vụ án hành chính có nội dung theo dõi thi hành.

2. Ra quyết định thi hành án đối với 100% bản án, quyết định có hiệu lực thi hành đúng thời hạn qui định; đảm bảo xác minh điều kiện thi hành án, phân loại chính xác, đúng pháp luật án dân sự có điều kiện thi hành và chưa có điều kiện thi hành; đăng tải kịp thời, đầy đủ, đúng quy định danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo quy định của pháp luật.

3. Thi hành xong các khoản thu cho ngân sách nhà nước đạt tỷ lệ cao hơn năm 2018 về việc và về tiền trên tổng số có điều kiện thi hành. Phối hợp với các

cơ quan liên quan trong công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; tập trung thi hành để nâng tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt cao hơn năm 2018.

4. Nâng cao hiệu quả thi hành các bản án liên quan đến các khoản nợ của tổ chức tín dụng đã có hiệu lực pháp luật đạt tỷ lệ cao hơn năm 2018 về việc và về tiền trên tổng số có điều kiện thi hành.

5. Trả lời đảm bảo chất lượng, đúng trình tự, thủ tục ít nhất 95% số văn bản xin ý kiến chỉ đạo của Chấp hành viên, cơ quan THADS cấp dưới.

6. Giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng thời hạn, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; giải quyết xong 97% số đơn thư khiếu nại, tố cáo; thực hiện tốt công tác tiếp công dân; tích cực tham gia, phối hợp giải quyết cơ bản những vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài.

7. Cơ bản khắc phục tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động THADS, nhất là các vi phạm trong kê biên, đấu giá tài sản thi hành án; giảm tối đa các vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường nhà nước, bảo đảm tài chính và các vụ việc đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản.

8. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành hiệu quả các văn bản pháp luật về THADS, THAHC. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng; Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật đấu giá tài sản; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 06/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác THADS.

9. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thi hành án, coi đây là giải pháp đột phá thay đổi lề lối làm việc, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, nêu cao tinh thần phục vụ người dân và doanh nghiệp; tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức THADS.

10. Tập trung đầu tư xây dựng cho các cơ quan THADS chưa có trụ sở hoặc đã xuống cấp; xây dựng, bảo đảm kho vật chứng, trang thiết bị, phương tiện làm việc, công cụ hỗ trợ và các phương tiện cần thiết khác đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác THADS.

Điều 2. Phương pháp giao thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ

1. Trên cơ sở chỉ tiêu, nhiệm vụ do Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự giao, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho Chi cục Thi hành án dân sự, Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự đảm bảo chính xác, công bằng và khả thi (đảm bảo không thấp hơn chỉ tiêu Tổng cục Thi hành án dân sự giao đối với Cục Thi hành án dân sự); có trách nhiệm hướng

dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chi cục Thi hành án dân sự và Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự.

2. Trên cơ sở chỉ tiêu, nhiệm vụ do Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự giao, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho Chấp hành viên thuộc Chi cục đảm bảo chính xác, công bằng và khả thi (đảm bảo không thấp chỉ tiêu Cục Thi hành án dân sự giao đối với Chi cục Thi hành án dân sự); có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện chỉ tiêu và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Trung tâm Thống kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Tổng cục có trách nhiệm giúp Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự năm 2019 và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc và Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự.

3. Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chấp hành viên do Chi cục quản lý.

4. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là cơ sở để chi thu nhập tăng thêm theo quy định hiện hành và xét đề nghị xếp hạng, bình xét thi đua khen thưởng năm 2019 đối với các cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên.

Điều 4. Giải pháp thực hiện

1. Về thể chế

Tiếp tục tham mưu, đề xuất hướng dẫn những vướng mắc của Luật Thi hành án dân sự, Luật Phá sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tiếp tục quán triệt và chỉ đạo triển khai có hiệu quả Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, Luật Đấu giá tài sản năm 2016, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính.

2. Về chỉ đạo, điều hành và phối hợp liên ngành

2.1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, kỷ luật nghiệp vụ. Tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ tại đơn vị.

2.2. Có biện pháp chỉ đạo quyết liệt việc thi hành án dân sự ngay từ đầu năm công tác 2019; định kỳ quý, năm đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu thi hành án xong về việc và về tiền năm 2019 để tổ chức thi hành và chỉ đạo thi hành án phần đầu tỷ lệ thi hành xong năm 2019 cao hơn năm 2018.

2.3. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, tiếp tục hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ theo hướng sâu sát, cụ thể và xác định rõ trách nhiệm, thời gian hoàn thành; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra; phối hợp thanh tra, kiểm sát, giám sát công tác thi hành án dân sự; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về trình tự, thủ tục hoặc đăng tải thông tin người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành trên Cổng, Trang Thông tin điện tử Thi hành án dân sự.

2.4. Giám sát chặt chẽ việc thẩm định, đấu giá tài sản kê biên theo thẩm quyền. Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự chỉ đạo lựa chọn danh sách những tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản có năng lực, uy tín tham gia quá trình xử lý tài sản kê biên. Đối với các vụ việc đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản, hàng quý các Cục Thi hành án dân sự phải báo cáo Tổng cục Thi hành án dân sự về nguyên nhân, thời gian kéo dài và biện pháp, kế hoạch xử lý dứt điểm vụ việc.

2.5. Các Cục, Chi cục Thi hành án dân sự phải ban hành Kế hoạch tự kiểm tra, kiểm tra hàng năm bảo đảm mỗi năm 100% Cục, Chi cục thực hiện việc tự kiểm tra; Cục Thi hành án dân sự kiểm tra toàn diện ít nhất 1/2 số đơn vị trên địa bàn (đối với các địa phương có dưới 10 đơn vị hành chính), kiểm tra toàn diện 1/3 số đơn vị trên địa bàn (đối với các địa phương có từ 10 đơn vị hành chính trở lên); tăng cường kiểm tra đột xuất công tác thụ lý, xác minh và phân loại án đối với các Chi cục và Chấp hành viên.

2.6. Thực hiện nghiêm túc chế độ Thủ trưởng cơ quan đơn vị trực tiếp tiếp công dân định kỳ; chú trọng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thông qua công tác tiếp công dân.

Cục, Chi cục Thi hành án dân sự phải tập trung giải quyết các khiếu nại, tố cáo với tinh thần trách nhiệm cao, đúng pháp luật, tăng cường đối thoại trực tiếp, hướng dẫn, giải thích cho công dân thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, hạn chế phát sinh những vụ khiếu nại, tố cáo vượt cấp, phức tạp, kéo dài. Chủ động, tích cực đề xuất tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương, Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các việc thi hành án dân sự trọng điểm, phức tạp, kéo dài trên địa bàn.

2.7. Tiếp tục phát huy công tác phối hợp liên ngành; tranh thủ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Ban Chỉ đạo Thi hành án dân sự các cấp và sự phối hợp của các ngành Công an, Kiểm sát, Tòa án và các cơ quan liên quan khác trong tổ chức thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự trên địa bàn.

2.8. Kịp thời đề xuất Cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo việc quán triệt, triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng tại các cơ quan thi hành án dân sự cũng như trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn; công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở Đảng tại các cơ quan thi hành án dân sự; kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng và các công chức Đảng viên tại các cơ quan thi hành án dân sự và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các cơ quan thi hành án dân sự.

3. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ công chức thi hành án dân sự

Chủ động phối hợp chặt chẽ với cấp ủy đơn vị thực hiện tốt công tác quản lý, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, kỷ luật công chức thi hành án dân sự. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm, bản lĩnh nghề nghiệp.

Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc trong toàn Hệ thống Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường, xây dựng chính đồn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ và Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 08/02/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Chỉ thị số 05 - CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Chỉ thị 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/9/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn Hệ thống, tiếp tục duy trì, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng, Trang Thông tin điện tử Thi hành án dân sự. Thực hiện nề nếp, hiệu quả cơ chế một cửa; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Nâng cao hiệu quả hỗ trợ trực tuyến thi hành án, tiến tới cung cấp dịch vụ trực tuyến mức độ 3 đối với một số thủ tục hành chính từ năm 2019.

Nghiên cứu xây dựng, phát triển các phần mềm, chương trình ứng dụng, trong đó quan tâm vận hành hiệu quả Phần mềm quản lý quá trình thụ lý, tổ chức thi hành án và báo cáo thống kê thi hành án dân sự trên toàn quốc. Tiếp tục

phối hợp phát triển hệ thống truyền hình trực tuyến đa phương tiện đến cấp Chi cục trên toàn quốc. Thực hiện nghiêm chế độ sử dụng văn bản điện tử và chữ ký số. Tăng cường hình thức giao ban trực tuyến, sử dụng tin nhắn SMS, bảo đảm kịp thời, sâu sát, quyết liệt, toàn diện trong công tác chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ, chỉ tiêu về thi hành án dân sự.

5. Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành quy định của pháp luật trong quản lý tài chính, tài sản, kế toán và đầu tư xây dựng cơ bản. Tập trung kiểm tra công tác thu chi thi hành án và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm trong hoạt động này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Giám đốc Trung tâm Thông kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Bộ (để phối hợp);
- Cục KHTC - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Vụ TCCB - Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- Thanh tra Bộ (để phối hợp);
- Vụ Thi đua - Khen thưởng (để phối hợp);
- Cục Công tác phía Nam (để phối hợp);
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng (để phối hợp);
- Cổng Thông tin điện tử Thi hành án dân sự (để đăng tải);
- Lưu: VT, TT.



Mai Lương Khôi

Phụ lục 1

BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ VIỆC NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1392/QĐ-TCTHADS ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
1	An Giang	73%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	73%
3	Bắc Giang	73%
4	Bắc Kạn	74,5%
5	Bạc Liêu	73%
6	Bắc Ninh	73%
7	Bến Tre	73%
8	Bình Định	73%
9	Bình Dương	73%
10	Bình Phước	73%
11	Bình Thuận	73%
12	Cà Mau	73%
13	Cần Thơ	73%
14	Cao Bằng	75%
15	Đà Nẵng	73%
16	Đắk Lắk	73%
17	Đắk Nông	73%
18	Điện Biên	74%
19	Đồng Nai	73%
20	Đồng Tháp	73%
21	Gia Lai	73%
22	Hà Giang	75%
23	Hà Nam	74,5%
24	Hà Nội	73%
25	Hà Tĩnh	74%
26	Hải Dương	73%
27	Hải Phòng	73%
28	Hậu Giang	73%
29	Hồ Chí Minh	73%
30	Hoà Bình	74%
31	Hưng Yên	73%
32	Khánh Hoà	73%
33	Kiên Giang	73%

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
34	Kon Tum	73%
35	Lai Châu	74,5%
36	Lâm Đồng	73%
37	Lạng Sơn	74%
38	Lào Cai	74%
39	Long An	73%
40	Nam Định	74%
41	Nghệ An	73,5%
42	Ninh Bình	73%
43	Ninh Thuận	73,5%
44	Phú Thọ	74%
45	Phú Yên	73%
46	Quảng Bình	73,5%
47	Quảng Nam	73%
48	Quảng Ngãi	73%
49	Quảng Ninh	73%
50	Quảng Trị	74%
51	Sóc Trăng	73%
52	Sơn La	74%
53	Tây Ninh	73%
54	Thái Bình	73%
55	Thái Nguyên	73,5%
56	Thanh Hoá	74%
57	Thừa Thiên - Huế	73%
58	Tiền Giang	73%
59	Trà Vinh	74%
60	Tuyên Quang	75%
61	Vĩnh Long	73%
62	Vĩnh Phúc	73,5%
63	Yên Bái	74,5%



Mai Lương Khôi

Phụ lục 2

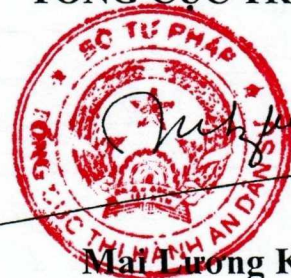
BẢNG GIAO CHỈ TIÊU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VỀ TIỀN NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1391/QĐ-TCTHADS ngày 21 tháng 12 năm 2019 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
1	An Giang	33%
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	33%
3	Bắc Giang	33%
4	Bắc Kạn	35%
5	Bạc Liêu	33%
6	Bắc Ninh	33%
7	Bến Tre	33%
8	Bình Định	34%
9	Bình Dương	33%
10	Bình Phước	33%
11	Bình Thuận	33%
12	Cà Mau	33%
13	Cần Thơ	33%
14	Cao Bằng	35%
15	Đà Nẵng	33%
16	Đắk Lắk	33%
17	Đắk Nông	33,5%
18	Điện Biên	35%
19	Đồng Nai	33%
20	Đồng Tháp	33%
21	Gia Lai	33,5%
22	Hà Giang	35%
23	Hà Nam	35%
24	Hà Nội	33,5%
25	Hà Tĩnh	35%
26	Hải Dương	33%
27	Hải Phòng	33%
28	Hậu Giang	33%
29	Hồ Chí Minh	33%
30	Hoà Bình	35%
31	Hưng Yên	33%
32	Khánh Hoà	33%
33	Kiên Giang	33%

TT	Đơn vị	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện thi hành
34	Kon Tum	35%
35	Lai Châu	35%
36	Lâm Đồng	33,5%
37	Lạng Sơn	34,5%
38	Lào Cai	34,5%
39	Long An	33%
40	Nam Định	34%
41	Nghệ An	33%
42	Ninh Bình	34%
43	Ninh Thuận	34%
44	Phú Thọ	34%
45	Phú Yên	33%
46	Quảng Bình	35%
47	Quảng Nam	34%
48	Quảng Ngãi	34%
49	Quảng Ninh	34,5%
50	Quảng Trị	35%
51	Sóc Trăng	33%
52	Sơn La	34%
53	Tây Ninh	33%
54	Thái Bình	33,5%
55	Thái Nguyên	33%
56	Thanh Hóa	34%
57	Thừa Thiên - Huế	34,5%
58	Tiền Giang	33%
59	Trà Vinh	33%
60	Tuyên Quang	34,5%
61	Vĩnh Long	33%
62	Vĩnh Phúc	33,5%
63	Yên Bái	34,5%

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Mai Trọng Khôi